

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH24B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
01	2458102060821	Lương Hoài	Chương	14/06/2009	8.7	8.5	7.9	7.3	7.6	Khá
02	2458102060822	Mus To Fa Ro	Thìa Dah	09/08/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2458102060823	Hứa Khánh	Duy	18/10/2009	8.9	8.2	8.4	7.7	8.0	Giỏi
04	2458102060824	Trần Văn	Đăng	24/09/2009	7.8	6.9	2.3	7.0	4.9	Yếu
05	2458102060825	Nguyễn Ngọc	Hà	23/01/2009	8.8	8.6	5.9	6.9	6.4	Trung bình
06	2458102060826	Quách Ngọc Gia	Hân	23/01/2009	8.6	5.5	8.7	7.4	8.0	Giỏi
07	2458102060827	Phạm Diễm	Huỳnh	08/10/2009	9.1	9.4	7.4	7.5	7.5	Khá
08	2458102060828	Lê Thị Kim	Hương	16/02/2009	7.7	5.8	7.5	7.4	7.4	Khá
09	2458102060829	Trần Anh	Kiệt	20/04/2009	7.8	9.1	7.9	5.9	6.8	Trung bình
10	2458102060830	Nguyễn Thị Thúy	Lan	01/10/2009	8.4	6.6	8.1	8.3	8.2	Giỏi
11	2458102060831	Lương Thị Huỳnh	Lê	14/01/2009	6.5	6.0	5.3	6.9	6.2	Trung bình
12	2458102060832	Lâm Tuệ	Mỹ	14/11/2009	7.4	7.0	7.6	6.6	7.1	Khá
13	2458102060835	Nguyễn Thị Xuân	Nga	27/11/2009	6.6	7.4	6.1	6.8	6.5	Trung bình
14	2458102060836	Đặng Phương	Nghi	19/12/2008	7.5	5.5	6.0	6.9	6.5	Trung bình
15	2458102060837	Trần Hữu	Nghĩa	14/10/2009	9.1	8.9	8.2	7.0	7.5	Khá
16	2458102060838	Lê Huỳnh Hoài	Ngọc	03/11/2008	7.4	6.9	7.6	7.7	7.7	Khá
17	2458102060839	Đinh Trung	Nguyên	25/05/2009	6.2	9.0	7.3	5.3	6.2	Trung bình
18	2458102060841	Hồ Nguyễn Khánh	Nhi	05/04/2009	6.3	6.1	6.3	7.2	6.8	Trung bình
19	2458102060843	Trần Hữu	Phát	14/03/2009	6.9	8.6	7.4	6.6	7.0	Khá
20	2458102060844	Huỳnh Nhật	Phúc	06/09/2009	6.8	6.5	5.8	6.9	6.4	Trung bình
21	2458102060845	Trần Văn	Phúc	26/04/2009	8.3	9.9	7.6	6.7	7.1	Khá
22	2458102060846	Nguyễn Thành Nam	Quân	23/02/2009	6.8	7.4	7.3	7.7	7.5	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Điểm TB	Xếp loại
23	2458102060847	Nguyễn Xuân	Quốc	31/08/2009	8.3	7.5	6.2	7.1	6.7	Trung bình
24	2458102060849	Tạ Chí	Tâm	29/10/2009	6.1	8.0	2.0	6.0	4.2	Yếu
25	2458102060850	Huỳnh Văn	Thành	03/09/2009	8.5	6.8	7.3	7.9	7.6	Khá
26	2458102060851	Phạm Gia	Thịnh	25/03/2009	8.2	7.3	6.0	7.5	6.8	Trung bình
27	2458102060852	Diệp Trần Phúc	Tinh	15/01/2009	6.9	6.7	6.2	7.9	7.1	Khá
28	2458102060853	Nguyễn Đình Gia	Trí	16/12/2008	6.2	6.8	6.2	7.3	6.8	Trung bình
29	2458102060854	Hồ Ngọc	Trinh	21/04/2009	8.6	7.3	7.8	8.3	8.1	Giỏi
30	2458102060855	Nguyễn Trọng	Tuấn	03/07/2009	7.6	6.1	7.9	7.2	7.5	Khá
31	2458102060856	Nguyễn Khắc	Vĩ	24/03/2009	7.2	9.8	5.6	8.5	7.2	Khá
32	2458102060858	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	06/11/2008	5.7	6.4	5.4	7.2	6.4	Trung bình

*Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.*

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 26 tháng 06 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái